**BÀI 2. ĐỊA HÌNH VIỆT NAM**

 Phần: Địa lí, Lớp: 8, Thời lượng: 4 tiết ( Tiết 4 -7)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

- Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

- Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

+ Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

+ Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr97-108

+ Quan sát bản đồ địa hình VN và lược đồ các khu vực địa hình để xác định các đỉnh núi, dãy núi, hướng núi, cao nguyên, đồng bằng,…

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: tìm hiểu ảnh hưởng của các dạng địa hình ở địa phương em đến phát triển kinh tế.

**3. Về phẩm chất:** ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về địa hình VN.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat ĐLVN.

- Hình 2.1. Bản đồ địa hình VN, hình 2.2. Động Phong Nha, hình 2.3. Vùng đồi Long Cốc, Phú Thọ, hình 2.4. Lược đồ địa hình vùng núi Tây Bắc và Đông Bắc, hình 2.5. Cao nguyên Lâm Viên, hình 2.6. Lược đồ địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam, hình 2.7. Lược đồ địa hình Đồng bằng sông Hồng, hình 2.8. Lược đồ địa hình Đồng bằng sông Cửu Long, hình 2.9. Rửng ngập mặn Cần Giờ, hình 2.10. Rừng Thông Đà Lạt, hình 2.11. Quần thể du lịch Bà Nà, hình 2.12. Cánh đồng rau ở Đồng bằng sông Hồng, hình 2.13. Bờ biển đảo Ph1 Quốc phóng to.

 - Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat ĐLVN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV tổ chức trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” cho HS.

***c. Sản phẩm*:** HS giải được trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:**

\* GV treo bảng phụ trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” lên bảng



 **1 2 3**

\* GV lần lượt cho HS quan sát các hình trên theo thứ tự từ 1 đến 3, yêu cầu HS cho biết tên chữ tương ứng với mỗi hình trên. GV khen thưởng cho HS trả lời đúng.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS quan sát các hình kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

1. **Đồng bằng**
2. **Bán bình nguyên**

**3. Cao nguyên**

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

 **Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: Đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên là một số dạng địa hình ở nước ta. Đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên có những đặc điểm gì? Ở nước ta có những đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên nào? Bên cạnh những dạng địa hình này thì ở nước ta còn có những dạng địa hình nào khác? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***2.1. Tìm hiểu về Đặc điểm chung của địa hình***

***a. Mục tiêu*:** HS trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 2.1, 2.2 kết hợp kênh chữ SGK tr98-99 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

*1.. Địa hình nước ta có mấy đặc điểm chung? Kể tên.*

*2. Địa hình đồi núi chiếm bao nhiêu? Núi cao trên 2000m chiếm bao nhiêu % diện tích lãnh thổ?*

*3. Đồng bằng chiếm bao nhiêu diện tích lãnh thổ?*

*4. Kể tên và xác định trên bản đồ hình 2.1 các dãy núi hướng TB-ĐN và vòng cung.*

*5. Vì sao địa hình nước ta có tính phân bậc? Kể tên các bậc địa hình kế tiếp nhau từ nội địa ra biển.*

*6. Vì sao địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa? Tính chất này biểu hiện như thế nào?*

*7. Kể tên các dạng địa hình do con người tạo nên.*

***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

1. Địa hình nước ta có 4 đặc điểm chung:

- Địa hình đồi núi chiếm ưu thế.

- Địa hình có 2 hướng chính là TB-ĐN và vòng cung.

- Địa hình có tính chất phân bậc khá rõ rệt.

- Địa hình chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người .

2. Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ. Núi cao trên 2000m chiếm 1% diện tích lãnh thổ.

3. Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ.

4. HS xác định:

- Hướng TB-ĐN như Con Voi, Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn Bắc, Tam Điệp,...

- Hướng vòng cung: cánh cung Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều,...

4.

- Nguyên nhân: quá trình địa chất lâu dài, vận động tạo núi Hi-ma-lay-a.

- Núi đồi, đồng bằng, bờ biển, thềm lục địa.

5.

- Nguyên nhân: nhiệt độ cao, lượng mưa lớn tập trung theo mùa, nước mưa hòa tan đá vôi.

- Biểu hiện:

+ Qúa trình xâm thực, xói mòn diễn ra mạnh mẽ, địa hình bị chia cắt.

+ Nhiều hang động rộng lớn (hình 2.2).

6. Các dạng địa hình nhân tạo: đô thị, hầm mỏ, hồ chứa nước, đê, đập...

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV và HS** |
| **Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:** \* GV treo bản đồ địa hình lên bảng.\* GV sử dụng kỹ thuật chia nhóm , hương pháp dạy học nhóm : Chia lớp thành 6 nhóm yêu cầu quan sát hình hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:*1. Địa hình nước ta có mấy đặc điểm chung? Kể tên.**2. Địa hình đồi núi chiếm bao nhiêu? Núi cao trên 2000m chiếm bao nhiêu % diện tích lãnh thổ?**3. Đồng bằng chiếm bao nhiêu diện tích lãnh thổ?**4. Kể tên và xác định trên bản đồ hình 2.1 các dãy núi hướng TB-ĐN và vòng cung.**5. Vì sao địa hình nước ta có tính phân bậc? Kể tên các bậc địa hình kế tiếp nhau từ nội địa ra biển.* *6. Vì sao địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa? Tính chất này biểu hiện như thế nào?**7. Kể tên các dạng địa hình do con người tạo nên.***Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**\* HS các nhóm quan sát bản đồ địa hình hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.\* GV quan sát, trợ giúp nhómHS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**\* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi các nhóm trình bày sản phẩm của mình:\* HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.**Bước 4.** **Đánh giá:**GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.* **Nội dung chính:**

**1. Đặc điểm chung của địa hình*****a. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế***- Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ, chủ yếu là đồi núi thấp- Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ, bị chia thành nhiều khu vực***b. Địa hình có 2 hướng chính là TB-ĐN và vòng cung.******-*** Hướng TB-ĐN như dãy núi Con Voi, Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn Bắc,...- Hướng vòng cung: thể hiện rõ nhất ở vùng núi ĐB.***c. Địa hình có tính chất phân bậc khá rõ rệt***-Núi đồi, đồng bằng, bờ biển, thềm lục địa. Trong đó, lại có các bậc địa hình nhỏ: bề mặt sang bằng, các cao nguyên xếp tầng, các bậc thềm sông, các bậc thềm biển,...***d. Địa hình chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người***- Qúa trình xâm thực, xói mòn mạnh, địa hình bị chia cắt.Nhiều hang động rộng lớn.***-*** Các dạng địa hình nhân tạo: hầm mỏ, đê, đập... |

**2.2. *Tìm hiểu về Các khu vực địa hình***

***a. Mục tiêu*:** Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 2.3 – 2.9 kênh chữ SGK tr100-105 hoặc bản đồ địa hình, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.

yêu cầu HS quan sát hình 2.3 đến 2.9 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 15 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:

1. Nhóm 1, 2 – phiếu học tập số 1

So sánh khu vực Đông Bắc và Tây Bắc:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** |
| *Đông Bắc* |  |  |
| *Tây Bắc* |  |  |

2. Nhóm 3, 4 – phiếu học tập số 2

So sánh khu vực Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** |
| *Trường Sơn Bắc* |  |  |
| *Trường Sơn Nam* |  |  |

3. Nhóm 5, 6 – phiếu học tập số 3

So sánh Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng ven biển miền Trung.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Diện tích****(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** |
| *Đồng bằng sông Hồng* |  |  |  |
| *Đồng bằng sông Cửu Long* |  |  |  |
| *Đồng bằng ven biển miền Trung* |  |  |  |

4. Nhóm 7, 8 – phiếu học tập số 4

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** |
| *Trình bày đặc điểm địa hình bờ biển nước ta.* |  |
| *Trình bày đặc điểm địa hình thềm lục địa nước ta.* |  |

***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

- HS lên xác định:

+ Các dãy núi: các dãy núi hình cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều; dãy Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam, Hoành Sơn, Bạch Mã…

+ Các cao nguyên: Tà Phìn, Sín Chải, Sơn La, Mộc Châu, Kon Tum, Plây Ku, Đăk Lăk, Lâm Viên, Mơ Nông Di Linh.

+ Các đồng bằng: Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng ven biển miền Trung.

- Đại diện nhóm treo đáp án của nhóm mình lên tường

1. Nhóm 1,2 – phiếu học tập số 1

So sánh khu vực Đông Bắc và Tây Bắc:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** |
| *Đông Bắc* | Nằm ở tả ngạn sông Hồng. | - Độ cao trung bình phổ biến dưới 1.000 m.- Chủ yếu là đồi núi thấp, có 4 dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm lại ở Tam Đảo. - Địa hình các-xtơ khá phổ biến, tạo nên những cảnh quan đẹp như vùng hồ Ba Bể, vịnh Hạ Long. |
| *Tây Bắc* | Từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả. | - Địa hình cao nhất nước ta (đỉnh Phan-xi-păng 3147m).- Độ cao trung bình 1000-2000m.- Các dãy núi lớn có hướng tây bắc - đông nam như Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao. - Đặc trưng của địa hình Tây Bắc là bị chia cắt mạnh. Xen giữa các vùng núi đá vôi là các cánh đồng, thung lũng các-xtơ,... |

2. Nhóm 3,4 – phiếu học tập số 2

So sánh khu vực Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** |
| *Trường Sơn Bắc* | Từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.  | - Là vùng có độ cao trung bình khoảng 1.000 m, một số ít đỉnh cao trên 2.000 m như: Pu Xai Lai Leng (2711 m), Rào Cỏ (2 235 m).- Có nhiều nhánh núi đâm ngang ra biển chia cắt đồng bằng duyên hải miền Trung. |
| *Trường Sơn Nam* | Từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ. | - Địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên, có độ cao lớn hơn vùng Trường Sơn Bắc.- Địa hình có hướng vòng cung, hai sườn đông và tây Trường Sơn Nam không đối xứng.- Dạng địa hình nổi bật là các cao nguyên rộng lớn, xếp tầng, bề mặt phủ đất đỏ badan.- Các khối núi cao nằm ở phía bắc và nam của vùng có nhiều đỉnh cao trên 2.000 m như: Ngọc Linh (2598 m), Chư Yang Sin (2405 m), Lang Biang (2167 m),... |

3. Nhóm 5,6 – phiếu học tập số 3

So sánh Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng ven biển miền Trung.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Diện tích****(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** |
| *Đồng bằng sông Hồng* | 15000 | Do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp.  | Có hệ thống đê chống lũ khiến đồng bằng bị chia cắt, tạo thành những ô trũng, khu vực trong đê không được bồi đắp phù sa. |
| *Đồng bằng sông Cửu Long* | 40000 | Do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp. | Không có đê ngăn lũ, có hệ thống kênh rạch dày đặc. Nhiều vùng trũng lớn: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên. |
| *Đồng bằng ven biển miền Trung* | 15000 | Từ phù sa sông hoặc kết hợp giữa phù sa sông và biển. | Nhiều đồng bằng nhỏ hẹp, có nhiều cồn cát. |

4. Nhóm 7,8 – phiếu học tập số 4

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** |
| *Trình bày đặc điểm địa hình bờ biển nước ta.* | Bờ biển nước ta dài 3260 km, kéo dài từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang). Có 2 dạng chính địa hình:- Bờ biển bồi tụ (tại các châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long), có nhiều bãi bùn rộng, rừng cây ngập mặn phát triển, thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.- Bờ biển mài mòn (tại các vùng chân núi và hải đảo, ví dụ: đoạn bờ biển từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu) rất khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh nước sâu, kín gió, nhiều bãi cát. |
| *Trình bày đặc điểm địa hình thềm lục địa nước ta.* | - Mở rộng tại các vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ.- Vùng biển miền Trung sâu và hẹp hơn. |

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV và HS** |
| **Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:**\* GV treo hình 2.3 đến 2.9 lên bảng.\* GV yêu cầu HS lên xác định trên bản đồ: các dãy núi, các cao nguyên, các đồng bằng và đường bờ biển nước ta.\* GV Sử dụng kỹ thuật phòng tranh, phương pháp chia nhóm: chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS quan sát hình 2.3 đến 2.9 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 15 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:1. Nhóm 1, 2 – phiếu học tập số 1So sánh khu vực Đông Bắc và Tây Bắc:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** |
| *Đông Bắc* |  |  |
| *Tây Bắc* |  |  |

2. Nhóm 3, 4 – phiếu học tập số 2So sánh khu vực Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** |
| *Trường Sơn Bắc* |  |  |
| *Trường Sơn Nam* |  |  |

3. Nhóm 5, 6 – phiếu học tập số 3So sánh Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng ven biển miền Trung.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Diện tích****(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** |
| *Đồng bằng sông Hồng* |  |  |  |
| *Đồng bằng sông Cửu Long* |  |  |  |
| *Đồng bằng ven biển miền Trung* |  |  |  |

4. Nhóm 7, 8 – phiếu học tập số 4

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** |
| *Trình bày đặc điểm địa hình bờ biển nước ta.* |  |
| *Trình bày đặc điểm địa hình thềm lục địa nước ta.* |  |

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**\* HS quan sát quan sát hình 2.3 đến 2.9 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**\* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình.\* HS các nhóm xem triển lãm bình luận, bổ sung, tập hợp thành phương án tối ưu**Bước 4.** **Đánh giá:** GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.* **Nội dung chính:**

**2. Các khu vực địa hình*****a. Địa hình đồi núi***- Vùng Đông Bắc+ Phạm vi: Nằm ở bờ trái sông Hồng từ dãy núi Con Voi- vùng đồi núi ven biển Quảng Ninh+ Đặc điểm: chủ yếu là đồi núi thấp, có 4 dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm lại ở Tam Đảo. Địa hình các-x tơ khá phổ biến. Độ cao Tb dưới 1.000m.- Vùng Tây Bắc+ Phạm vi: Nằm giữa sông Hồng đến sông Cả.+ Đặc điểm: địa hình cao nhất nước ta (đỉnh Phan-xi-păng 3147m), với các dãy núi cao và cao nguyên hiểm trở có hướng TB-ĐN như Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao. Địa hình bị chia cắt mạnh.Độ cao Tb từ 1.000-2.000m- Vùng Trường Sơn Bắc+ Phạm vi: Từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.+ Đặc điểm: có nhiều nhánh núi đâm ngang ra biển chia cắt đồng bằng duyên hải miền Trung. Hướng núi TB-ĐN. Độ cao Tb khoảng 1.000m.- Vùng Trường Sơn Nam+ Phạm vi: từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ.+ Đặc điểm: gồm các khối núi và nhiều cao nguyên xếp tầng. Độ cao Tb lớn hơn vùng TSB. Hai sườn không đối xứng. Địa hình hướng vòng cung. Vùng chuyển tiếp giữa núi, cao nguyên với đồng bằng là địa hình bán bình nguyên ĐNB.***b. Địa hình đồng bằng***- Đồng bằng sông Hồng+ Diện tích: khoảng 15.000km2.+ Nguồn gốc hình thành: do phù sa sông Hồng bồi đắp.+ Đặc điểm: Có hệ thống đê chống lũ khiến đồng bằng bị chia cắt, tạo thành những ô trũng, khu vực trong đê không được bồi đắp phù sa.- Đồng bằng sông Cửu Long+ Diện tích: khoảng 40.000 km2.+ Nguồn gốc hình thành: do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp.+ Đặc điểm: Không có đê ngăn lũ, có hệ thống kênh rạch dày đặc. Nhiều vùng trũng lớn: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên.- Đồng bằng ven biển miền Trung+ Diện tích: khoảng 15000 km2.+ Nguồn gốc hình thành: từ phù sa sông hoặc kết hợp giữa phù sa sông và biển. + Đặc điểm: Nhiều đồng bằng nhỏ hẹp, có nhiều cồn cát.***c. Địa hình bờ biển và thềm lục địa***- Bờ biển dài 3.260 km từ Móng Cái- Hà Tiên, có 2 dạng chính địa hình:+ Bờ biển bồi tụ có nhiều bãi bùn rộng, rừng cây ngập mặn phát triển.+ Bờ biển mài mòn rất khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh nước sâu, kín gió, nhiều bãi cát.- Thềm lục địa:+ Nông và mở rộng tại các vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ.+ Sâu và hẹp tại vùng biển miền Trung .**\* Mở rộng:**  Fansipan là đỉnh núi cao nhất trong dãy núi Hoàng Liên Sơn, nằm ở biên giới tỉnh Lào Cai và tỉnh Lai Châu. Về mặt hành chính, đỉnh Fansipan thuộc địa giới của cả huyện Tam Đường (Lai Châu) và thị xã Sa Pa (Lào Cai), cách trung tâm thị xã Sa Pa khoảng 9 km về phía tây nam. Chiều cao của đỉnh núi đo đạc vào năm 1909 là 3143 m, tuy vậy theo số liệu mới nhất của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam đưa ra vào cuối tháng 6 năm 2019, đỉnh núi cao 3147 m.  |

***2.3. Tìm hiểu về Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế***

***a. Mục tiêu*:** HS tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế.

***b. Nội dung*:** Dựa vào hình 2.10 – 2.13 kết hợp kênh chữ SGK tr105- 107 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

*1. Vì sao tính nhiệt đới của thiên nhiên nước ta được bảo toàn?*

*2. Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình đến sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao.*

*3. Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình đến sự phân hóa thiên nhiên theo hướng sườn.*

*4. Tìm ví dụ về những thế mạnh và hạn chế của địa hình đối với khai thác kinh tế ở khu vực đồi núi.*

*5. Tìm ví dụ về những thế mạnh và hạn chế của địa hình đối với khai thác kinh tế ở khu vực đồng bằng.*

*6. Tìm ví dụ về những thế mạnh và hạn chế của địa hình đối với khai thác kinh tế ở vùng biển và thềm lục địa.*

***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

1. Do địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp nên tính nhiệt đới của thiên nhiên nước ta được bảo toàn.

2. Ở vùng núi thiên nhiên phân hóa theo 3 đai cao, ví dụ:

- Đai nhiệt đới gió mùa: độ cao dưới 600-700m (miền Bắc) hoặc dưới 900-1000m (miền Nam); mùa hạ nóng, sinh vật tiêu biểu là hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh và rừng nhiệt đới gió mùa phát triển trên đất feralit.

- Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi: lên đến độ cao 2600m, khí hậu mát mẻ, sinh vật gồm có rừng cận nhiệt lá rộng, rừng lá kim... phát triển trên đất feralit có mùn.

- Đai ôn đới gió mùa trên núi: ở độ cao trên 2600m (chỉ có ở miền Bắc): khí hậu mang tính chất ôn đới, sinh vật là các loài thực vật ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam... phát triển trên đất mùn thô.

3. Phân hóa theo hướng sườn: ví dụ:

- Dãy Hoàng Liên Sơn làm suy yếu tác động của gió mùa ĐB => mùa đông ở Tây Bắc ngắn hơn và nền nhiệt cao hơn Đông Bắc.

- Dãy Trường Sơn gây hiệu ứng phơn tạo sự khác biệt về mùa mưa giữa 2 sườn núi.

- Dãy Bạch Mã ngăn ảnh hưởng của gió mùa ĐB vào phía nam => ranh giới tự nhiên giữa 2 miền khí hậu.

4. Khu vực đồi núi:

- Thế mạnh:

+ Đối với nông nghiệp, lâm nghiệp: khu vực đồi núi nước ta có nguồn lâm sản phong phú, thuận lợi cho phát triển ngành lâm nghiệp; có các đồng cỏ tự nhiên tạo điều kiện phát triển chăn nuôi gia súc lớn ví dụ như trâu, bò...; thổ nhưỡng và khí hậu thích hợp cho trồng cây công nghiệp lâu năm ví dụ như cà phê, cao su, hồ tiêu,...

+ Đối với công nghiệp: Khu vực đồi núi tập trung nhiều loại khoáng sản => cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp ví dụ như khai thác khoáng sản, luyện kim, cơ khí,...; Các con sông ở miền núi nước ta có tiềm năng thủy điện lớn ví dụ như Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình trên sông Đà,...

+ Đối với du lịch: khu vực đồi núi có khí hậu mát mẻ, cảnh quan đa dạng, tạo thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng,... nhất là du lịch sinh thái ví dụ như Sa Pa, Tam Đảo, Đà Lạt,...

- Hạn chế:

+ Địa hình bị chia cắt mạnh, gây khó khăn cho giao thông

+ Phải đối mặt với nhiều thiên tai, ví dụ như: lũ quét, sạt lở,…

5. Khu vực đồng bằng

- Thế mạnh:

+ Đối với nông lâm sản: trồng cây lương thực thực phẩm, chăn nuôi gia súc nhỏ ví dụ như lợn, gia cầm ví dụ như gà, vịt, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ví dụ như tôm, cua, cá,...

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng và cư trú như Hà Nội, Đà Nẵng, TPHCM,...

- Hạn chế: Tài nguyên bị khai thác quá mức ví dụ như tài nguyên đất, nước, khoáng sản, sinh vật, môi trường bị suy thoái: ví dụ như ô nhiễm đất, nước, không khí,...

6. Vùng biển và thềm lục địa

- Thế mạnh: phát triển các hoạt động kinh tế biển:

+ Khai thác và nuôi trồng thủy sản ví dụ như tôm hùm, đồi mồi, làm muối ví dụ như ở Cà Ná (Ninh Thuận), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi).

+ Giao thông vận tải biển: xây dựng các cảng biển ví dụ như Cái Lân (Quảng Ninh), Sài Gòn (TPHCM), Đà Nẵng, Vân Phong (Khánh Hòa).

+ Khai thác năng lượng như dầu khí, gió, thủy triều,...,

+ Du lịch biển như Sầm Sơn, Thiên Cầm, Mỹ Khê, Nha Trang,...

- Hạn chế: bão, cạn kiệt tài nguyên ví dụ như các loài cá, ô nhiễm môi trường biển ví dụ như tràn dầu.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV và HS** |
| **Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:** \* GV treo hình 2.10 đến 2.13 lên bảng.\* GV sử dụng kỹ thuật mảnh ghép, phương pháp thảo luận nhóm: chia lớp thành 6 nhóm yêu cầu HS quan sát hình 2.10 đến 2.13 và thông tin trong bày, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:*1. Vì sao tính nhiệt đới của thiên nhiên nước ta được bảo toàn?**2. Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình đến sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao.**3. Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình đến sự phân hóa thiên nhiên theo hướng sườn.**4. Tìm ví dụ về những thế mạnh và hạn chế của địa hình đối với khai thác kinh tế ở khu vực đồi núi.**5. Tìm ví dụ về những thế mạnh và hạn chế của địa hình đối với khai thác kinh tế ở khu vực đồng bằng.**6. Tìm ví dụ về những thế mạnh và hạn chế của địa hình đối với khai thác kinh tế ở vùng biển và thềm lục địa.***Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**\* HS quan sát bản đồ hình 2.10 đến 2.13 và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.\* GV quan sát, trợ giúp nhóm HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**\* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi từng nhóm trình bày sản phẩm của mình:\* NhómHS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của cá nhân.**Bước 4.** **Đánh giá:**GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.* **Nội dung chính:**

**3. Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế*****a. Đối với phân hóa tự nhiên***- Theo độ cao: chia thành 3 vòng đai: nhiệt đới gió mùa, cận nhiệt đới gió mùa trên núi, ôn đới gió mùa trên núi.- Theo hướng sườn: + Dãy Hoàng Liên Sơn làm suy yếu tác động của gió mùa ĐB => mùa đông ở Tây Bắc ngắn hơn và nền nhiệt cao hơn Đông Bắc.+ Dãy Trường Sơn gây hiệu ứng phơn tạo sự khác biệt về mùa mưa giữa 2 sườn núi.+ Dãy Bạch Mã ngăn ảnh hưởng của gió mùa ĐB vào phía nam => ranh giới tự nhiên giữa 2 miền khí hậu.***b. Đối với khai thác kinh tế****\* Khai thác kinh tế ở khu vực đồi núi*- Thế mạnh:+ Đối với nông nghiệp, lâm nghiệp: trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc.+ Đối với công nghiệp: phát triển khai thác khoáng sản, luyện kim, thủy điện,...+ Đối với du lịch: cơ sở hình thành các điểm du lịch có giá trị.- Hạn chế: địa hình bị chia cắt, lũ quét, sạt lở,…*\* Khai thác kinh tế ở khu vực đồng bằng*- Thế mạnh:+ Đối với nông lâm sản: trồng cây lương thực thực phẩm, chăn nuôi gia súc nhỏ, gia cầm, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.+ Xây dựng cơ sở hạ tầng và cư trú.- Hạn chế: Tài nguyên bị khai thác quá mức, môi trường bị suy thoái.*\* Khai thác kinh tế ở vùng biển và thềm lục địa*- Thế mạnh: phát triển các hoạt động kinh tế biển: khai thác và nuôi trồng thủy sản, làm muối, giao thông vận tải biển, khai thác năng lượng, du lịch biển.- Hạn chế: bão, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường biển. |

**3. Hoạt động luyện tập**

***a. Mục tiêu:*** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

So sánh đặc điểm địa hình giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Diện tích****(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** |
| *Đồng bằng sông Hồng* |  |  |  |
| *Đồng bằng sông Cửu Long* |  |  |  |

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Diện tích****(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** |
| *Đồng bằng sông Hồng* | 15000 | Do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp. | Có hệ thống đê chống lũ khiến đồng bằng bị chia cắt, tạo thành những ô trũng, khu vực trong đê không được bồi đắp phù sa. |
| *Đồng bằng sông Cửu Long* | 40000 | Do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp. | Không có đê ngăn lũ, có hệ thống kênh rạch dày đặc. Nhiều vùng trũng lớn: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên. |

***d. Tổ chức thực hiện:***

 **Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:*Lựa chọn và so sánh đặc điểm địa hình giữa vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc hoặc đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: lựa chọn: so sánh đặc điểm địa hình giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi : *tìm hiểu ảnh hưởng của các dạng địa hình của địa phương (Quảng Ngãi) đến phát triển kinh tế.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm kiếm thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* GV hướng dẫn Hs làm bài gửi qua Zalo, gv chọn một số bài tiêu biểu yêu cầu trình bày đầu buổi học sau

- Quảng Ngãi có đầy đủ các dạng địa hình: đồi núi, đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa.

- Các hoạt động kinh tế ở Quảng Ngãi:

+ Phía tây- Khu vực miền núi: Hoạt động kinh tế chủ yếu: trồng cây CN, Chăn nuôi

+Ở giữa- Khu vực đồng bằng: Trồng lúa, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, dịch vụ

+Phía đông – Bờ biển và thềm lục địa:Du lịch, nuôi trồng và đánh bắt hải sản

+ Khó khăn: Miền núi dễ bị sạt lở, xói mòn, đồng bằng dễ bị ngập lụt vào mùa mưa và thủy triều dâng ảnh hưởng các hoạt động kinh tế.

 \* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**\*Hướng dẫn về nhà: Tìm hiểu bài 3: Khoáng sản Việt Nam**

- Trình bày và giải thích đặc điểm hung của Khoáng sản Việt Nam

-Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản

**\*Nhận xét, rút kinh nghiệm**

**……………………………………………………………………………………………**

**Bảng đánh giá (Rubic)**

**BÀI THUYẾT TRÌNH CỦA HỌC SINH VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỊA HÌNH Ở ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức 1****(1,0 điểm)** | **Mức 2****(1,5 điểm)** | **Mức 3****( 2 điểm)** | **Điểm chấm** |
| **Ngôn ngữ** **(2 điểm)** | Rõ ràng  |  Rõ ràng, lưu loát | Truyền cảm, hấp dẫn |  |
| **Phong cách** **(2 điểm)** | Rụt rè, chưa tự tin | Đôi khi chưa tự tin | Tự tin, vui vẻ, thỏa mái |  |
| **Tác phong****(2 điểm)** | Chưa gọn gàng | Gọn gàng nhưng chưa đẹp | Gọn gàng, đẹp |  |
| **Nội dung** **(2 điểm)** | Chưa phù hợp với yêu cầu |  Còn một vài chỗ chưa phù hợp với yêu cầu | Phù hợp với yêu cầu, thông tin phong phú |  |
| **Quản lí thời gian** **(2 điểm)** | Trình bày nhanh/chậm 1 phút trở lên | Trình bày thời gian có nhanh/chậm nhưng không đáng kể | Trình bày đảm bảo đúng thời gian quy định |  |